

ÔN TẬP PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 100

Họ và tên: Lớp:

Câu 1: Tính: $25 + 14 = ?$

- A. 38 B. 39 C. 49 D. 40

Câu 2: Tính: $47 + 32 = ?$

- A. 79 B. 89 C. 75 D. 69

Câu 3: Tìm x , biết: $x - 15 = 20$

- A. $x = 5$ B. $x = 25$ C. $x = 35$ D. $x = 40$

Câu 4: Tính: $60 + 28 = ?$

- A. 80 B. 78 C. 98 D. 88

Câu 5: Tính: $33 + 55 = ?$

- A. 77 B. 88 C. 99 D. 89

Câu 6: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$\begin{array}{r} 4 \dots \\ + \dots 2 \\ \hline 78 \end{array}$$

Câu 7: Tìm x , biết: $x - 40 = 50$

- A. $x = 10$ B. $x = 90$ C. $x = 80$ D. $x = 95$

Câu 8: Tính: $81 + 9 = ?$

- A. 89 B. 91 C. 100 D. 90

Câu 9:

Lớp 2A có 24 học sinh. Lớp 2B có 25 học sinh. Hỏi cả hai lớp có tất cả bao nhiêu học sinh?

- A. 48 B. 59 C. 49 D. 50

Câu 10: Tính: $16 + 73 = ?$

- A. 89 B. 99 C. 88 D. 90

Câu 11: Tìm x , biết: $31 + x = 65$

- A. $x = 34$ B. $x = 44$ C. $x = 96$ D. $x = 35$

Câu 12: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$\begin{array}{r} \dots 7 \\ + 5 \dots \\ \hline 99 \end{array}$$

Câu 13: Tính: $52 + 17 = ?$

- A. 68 B. 59 C. 79 D. 69

Câu 14: Tính: $20 + 70 = ?$

- A. 80 B. 90 C. 95 D. 100

Câu 15:

Cửa hàng buổi sáng bán được 35 quyển vở. Buổi chiều bán được nhiều hơn buổi sáng 12 quyển. Hỏi buổi chiều cửa hàng bán được bao nhiêu quyển vở?

- A. 23 B. 47 C. 45 D. 57

Câu 16: Tìm x, biết: $x - 22 = 77$

- A. $x = 55$ B. $x = 88$ C. $x = 99$ D. $x = 98$

Câu 17: Tính: $48 + 41 = ?$

- A. 89 B. 98 C. 88 D. 79

Câu 18: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$\begin{array}{r} 6... \\ + \quad 21 \\ \hline ...5 \end{array}$$

Câu 19: Tính: $19 + 80 = ?$

- A. 98 B. 89 C. 99 D. 91

Câu 20:

Trong vườn có 15 bông hoa màu đỏ và 24 bông hoa màu vàng. Hỏi trong vườn có tất cả bao nhiêu bông hoa?

- A. 38 B. 39 C. 49 D. 40

Câu 21: Tìm x, biết: $56 + x = 99$

- A. $x = 33$ B. $x = 44$ C. $x = 53$ D. $x = 43$

Câu 22: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$\begin{array}{r} 18 \\ + \quad ...0 \\ \hline 8... \end{array}$$

Câu 23: Tính: $37 + 42 = ?$

- A. 79 B. 89 C. 78 D. 80

Câu 24: Tính: $63 + 36 = ?$

- A. 98 B. 100 C. 99 D. 97

Câu 25:

Anh có 12 viên bi. Em có nhiều hơn anh 15 viên bi. Hỏi em có bao nhiêu viên bi?

- A. 25 B. 26 C. 27 D. 3

Câu 26: Tìm x, biết: $x - 11 = 88$

- A. $x = 77$ B. $x = 99$ C. $x = 98$ D. $x = 89$

Câu 27: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$\begin{array}{r} 33 \\ + \quad \cdot \cdot \cdot \\ \hline 64 \end{array}$$

Câu 28: Tính: $72 + 27 = ?$

- A. 98 B. 99 C. 89 D. 100

Câu 29:

Thùng thứ nhất có 45 lít dầu, thùng thứ hai có 54 lít dầu. Hỏi cả hai thùng có bao nhiêu lít dầu?

- A. 98 lít B. 99 lít C. 89 lít D. 100 lít